

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2019/HS-ST**

Ngày: 03/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

1/ Phạm Văn S, sinh năm: 1986, tại Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn C, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Th và bà Lê Thị L; Bị cáo có 06 anh chị em ruột, bị cáo là con 06 trong gia đình; Tiền án: 06 (ngày 29/11/2004, bị Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 15/9/2005, bị Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 06/12/2006, bị Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 29/4/2010, bị Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 11/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện C, TP Hồ chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 28/10/2016 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 26 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản); Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2019 cho đến nay. *(có mặt tại phiên tòa)*

2/ Trịnh Tiến Đ, sinh năm: 1997 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Khắc M (đã chết) và bà Mai Thị T; Bị cáo có 02 anh chị em ruột, nhỏ nhất sinh năm 2009, bị cáo là con lớn trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2019 cho đến nay.*(có mặt tại phiên tòa)*

- *Người bị hại:* Bà Dương Thị Kiều L, sinh năm: 1975*(có mặt tại phiên tòa)*

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Kim C, sinh năm: 1988 *(có mặt tại phiên tòa)*

Nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 22/4/2019, Phạm Văn S gặp người tên là T (không rõ nhân thân, lai lịch) tại quán cà phê gần phòng trọ của Phạm Văn S tại Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, T đưa cho Phạm Văn S 06 sợi dây chuyền (vàng giả), 01 lắc tay (vàng giả) và 01 sợi dây chuyền vàng thật, đồng thời T hướng dẫn cho Phạm Văn S cách thức đi lừa các tiệm vàng để chiếm đoạt tài sản, như sau: Khi đến tiệm vàng thì một người sẽ mang sợi dây chuyền vàng thật để cầm cố cho chủ tiệm vàng kiểm tra trước, sau khi chủ tiệm vàng xác định đúng là vàng thật để tạo sự tin tưởng, người còn lại sẽ tìm lý do không cầm cố nữa để nhận lại sợi dây chuyền vàng thật và tìm cách đổi bằng sợi dây chuyền vàng giả (hai sợi dây chuyền bề ngoài giống nhau). Ngoài ra, T còn đưa cho Phạm Văn S 01 giấy mua bán vàng của công ty Cổ phần vàng bạc Ph do Tuấn làm giả và hướng dẫn Phạm Văn S nếu chủ tiệm vàng có hỏi nguồn gốc vàng thì đưa giấy mua bán ra để chủ tiệm vàng tin tưởng nếu thành công sẽ chia nhau tài sản chiếm đoạt được. Phạm Văn S về phòng trọ rủ Trịnh Tiến Đ cùng thực hiện hành vi lừa đảo với cách thức trên thì Trịnh Tiến Đ đồng ý. Sau đó, Phạm Văn S điều khiển xe mô tô Atila biển số: 59M1 - 216.86 chở Trịnh Tiến Đ, đi từ thành phố Hồ Chí Minh về hướng tỉnh Đắk Nông. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, cả hai đi đến thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước thì trời tối nên thuê nhà nghỉ ngủ lại.

Khoảng 09 giờ ngày 23/4/2019, Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ ngủ dậy rồi chở nhau đến tiệm vàng K tại thôn 2, xã Đức Liễu để lừa cầm vàng giả. Khi đến nơi, Trịnh Tiến Đ mang 01 sợi dây chuyền vàng thật đi vào đưa cho chủ tiệm là bà Dương Thị Kiều L kiểm tra. Sau khi kiểm tra bà Dương Thị Kiều L đồng ý cầm với giá 30.000.000 đồng. Ngay lúc này, Phạm Văn S đi vào nói: “thôi không cầm nữa”, nên bà Dương Thị Kiều L đã đưa trả lại sợi dây chuyền vàng thật cho Phạm Văn S. Lợi dụng lúc bà Dương Thị Kiều L không để ý, Phạm Văn S nhanh chóng đánh tráo sợi dây chuyền vàng thật thành sợi dây chuyền vàng giả và nói muốn tiếp tục cầm sợi dây chuyền cho bà Dương Thị Kiều L. Do tin

tưởng vì vừa kiểm tra trước đó nên bà Dương Thị Kiều L viết giấy tờ cầm cố và đưa số tiền 30.000.000 đồng cho Trịnh Tiến Đ. Sau khi lấy được tiền, Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ lên xe đi về hướng tỉnh Đắk Nông. Khi Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ đi khỏi tiệm, bà Dương Thị Kiều L mang sợi dây chuyền ra kiểm tra thì phát hiện là vàng giả nên đã gọi điện thoại trình báo Công an. Cơ quan công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã phối hợp với công an xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước chốt chặn bắt được Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ cùng tang vật vụ án.

Tại bản giám định số: 2680/C09B ngày 18/06/2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an kết luận: 01 sợi dây chuyền (do bà Dương Thị Kiều L giao nộp) bằng kim loại màu vàng, dạng mắt xích được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag), khối lượng 37.5543 gam, hàm lượng Vàng (Au) rất thấp, nhỏ hơn 0,1% (bút lục 134).

Bị cáo Phạm Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố tại bản cáo trạng số 64/CTr – VKS ngày 08/8/2019 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trịnh Tiến Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố tại bản cáo trạng số 64/CTr – VKS ngày 08/8/2019 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn S và bị cáo Trịnh Tiến Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 04 năm đến 05 năm tù. Về hình phạt bổ sung: Không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Tiến Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, hình dạng mắt xích nối với nhau chiều dài 63,5cm, rộng 0,5 cm; 03 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, hình dạng mắt xích nối với nhau chiều dài 63cm, rộng 0,5 cm; 03 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, hình dạng mắt xích nối với nhau chiều dài 62cm, rộng 0,5 cm; 01 lắc đeo tay kim loại màu vàng, hình dạng mắt xích đan vào nhau, dài 19cm, rộng 01cm.

Trả lại bị cáo Trịnh Tiến Đ 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S, màu đỏ-đen.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn S 01 điện thoại di động Galaxy J7 Prime màu đen; 01 điện thoại di động 108 hiệu NOKIA màu đen-trắng; 01 thẻ căn cước công dân số: 038086013111 đứng tên Phạm Văn S và số tiền 49.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn S, Trịnh Tiến Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo Phạm Văn S, Trịnh Tiến Đ thừa nhận đã được nhận đầy đủ các văn bản tố tụng và không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bị hại bà Dương Thị Kiều L không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bà Dương Thị Kiều L không có yêu cầu gì về mặt dân sự. Về hình phạt: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim C khai nhận đã nhận lại xe không có yêu cầu gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Văn S: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trịnh Tiến Đ: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn S, Trịnh Tiến Đ thừa nhận: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 23/4/2019 Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ đến tiệm vàng K tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để lừa

đảo vàng giả. Khi đến nơi, Trịnh Tiến Đ mang 01 sợi dây chuyền vàng thật đi vào đưa cho chủ tiệm vàng là bà Dương Thị Kiều L kiểm tra. Sau khi kiểm tra bà Dương Thị Kiều L đồng ý cầm với giá 30.000.000đ. Ngay lúc này, Phạm Văn S đi vào nói: “thôi không cầm nữa”, nên bà Dương Thị Kiều L đã đưa trả lại sợi dây chuyền vàng thật cho Phạm Văn S. Lợi dụng lúc bà Dương Thị Kiều Lam không để ý, Phạm Văn S nhanh chóng đánh tráo sợi dây chuyền vàng thật thành sợi dây chuyền vàng giả và nói muốn tiếp tục cầm sợi dây chuyền cho bà Dương Thị Kiều L. Do tin tưởng vì vừa kiểm tra trước đó nên bà Dương Thị Kiều L viết giấy tờ cầm cố và đưa số tiền 30.000.000 đồng cho Trịnh Tiến Đ. Sau khi lấy được tiền, Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ lên xe đi về hướng tỉnh Đắk Nông. Khi Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ đi khỏi tiệm, bà Dương Thị Kiều L mang sợi dây chuyền ra kiểm tra thì phát hiện là vàng giả nên đã gọi điện thoại trình báo Công an. Cơ quan công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã phối hợp với công an xã Ph, huyện B chốt chặn bắt được Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ cùng tang vật vụ án.

Tại bản giám định số: 2680/C09B ngày 18/06/2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an kết luận: 01 sợi dây chuyền (do bà Dương Thị Kiều L giao nộp) bằng kim loại màu vàng, dạng mắt xích được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag), khối lượng 37.5543 gam, hàm lượng Vàng (Au) rất thấp, nhỏ hơn 0,1% (bút lục 134).

Như vậy, bị cáo Phạm Văn S, Trịnh Tiến Đ đã có dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bà Dương Thị Kiều L số tiền là 30.000.000đ. Bị cáo Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức, điều khiển được hành vi của mình. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trịnh Tiến Đ đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Văn S đã bị nhiều lần bị kết án, cụ thể: Ngày 29/11/2004, bị Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 15/9/2005, bị Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 06/12/2006, bị Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 29/4/2010, bị Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 11/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện C, TP Hồ chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 28/10/2016 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 26 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Như vậy, bị cáo Phạm Văn S đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của

bị cáo Phạm Văn S đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Văn S đóng vai trò là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội và là người thực hành tích cực. Bản thân bị cáo đã nhiều lần bị kết án nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo việc giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, cha của bị cáo được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Bị cáo Trịnh Tiến Đ đóng vai trò là người thực hành. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo việc giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại bà Dương Thị Kiều L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim C đã nhận lại tài sản (01 xe mô tô hiệu Atila biển kiểm soát 59M1-216.86), chị Nguyễn Kim C không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, hình dạng mắt xích nối với nhau chiều dài 63,5cm, rộng 0,5 cm; 03 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, hình

dạng mắt xích nối với nhau chiều dài 63cm, rộng 0,5 cm; 03 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, hình dạng mắt xích nối với nhau chiều dài 62cm, rộng 0,5 cm; 01 lắc đeo tay kim loại màu vàng, hình dạng mắt xích đan vào nhau, dài 19cm, rộng 01cm là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần tịch thu sung quỹ.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S, màu đỏ-đen; 01 điện thoại di động Galaxy J7 Prime màu đen; 01 điện thoại di động 108 hiệu NOKIA màu đen-trắng; 01 thẻ căn cước công dân số: 038086013111 đứng tên Phạm Văn S và số tiền 49.000đồng không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 xe Atila màu trắng, biển số: 59M1 - 216.86 là tài sản của chị Nguyễn Kim C cho bị cáo Phạm Văn S mượn làm phương tiện đi lại. Việc Phạm Văn S sử dụng làm phương tiện đi phạm tội, chị Nguyễn Kim C không biết nên ngày 15/5/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Kim C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự nên không xem xét giải quyết.

+ Số tiền 30.000.000 đồng là tài sản của bà Dương Thị Kiều L nên ngày 10/05/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Dương Thị Kiều L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định: “*Người bị kết án phải chịu án phí theo quyết định của Tòa án*”. Do đó, bị cáo Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2019

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Tiến Đ 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2019.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 46 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung quỹ 01 sợi dây chuyền màu vàng dạng mắt xích lớn đan vào nhau dài khoảng 19cm, khối lượng 36,6384gam và 05 sợi dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắt xích đan vào nhau tổng khối lượng 185,3986gam đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu 3481/M1,2,3,5,7,6 có chữ ký của Hà Thị Phước H và Dương Văn Đ; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắt xích khối lượng 37,5543gam đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu 2680/C09B có chữ ký của Trần Thị Thanh Th và Nguyễn Thanh C và 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu 3481/M4 có chữ ký của Hà Thị Phước H và Dương Văn Đ;

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Tiến Đ 01 điện thoại di động hiệu Oppo A23 màu đỏ đen;

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn S 01 điện thoại di động Galaxy J7 Prime màu đen; 01 điện thoại di động 108 hiệu NOKIA màu đen-trắng; 01 thẻ căn cước công dân số: 038086013111 đứng tên Phạm Văn S và số tiền 49.000 đồng.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0009712 lập ngày 9/8/2019)

3/ Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn S và Trịnh Tiến Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03-10-2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKS và Chi cục THA huyện B;
- Sở tư pháp và Công an tỉnh BP;
- Bị cáo;
- Người tham gia TT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh